

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 191/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu M, xã M, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Thị Lan H - Là trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 01 tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Chị Trần Thị T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu M, xã M, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị T1 đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình T2, sinh ngày 16/03/2013.

Khi ly hôn, anh T và chị T1 thống nhất thỏa thuận: Chị Trần Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đình T2, sinh ngày 16/03/2013 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Anh Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 vì chị T1 tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ngoài ra anh T và chị T1 xác định chị T1 có cháu Bùi Văn T3, sinh ngày 17/8/2009 là con riêng của chị T1 nên anh T3, chị T1 không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung; nợ chung, công sức đóng góp gia đình:* Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Anh Nguyễn Xuân T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm.

Chị Trần Thị T1 phải chịu cả 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Phòng THA dân sự khu vực 6 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã phường Nam Định, tỉnh Nam Định (ĐKKH ngày 02/10/2012);
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP/.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thu Trang**

